PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Fun time 3 · Unit 9–10 (SGK tr. 46–47)

Tuần 22

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

☐ ams	☐ ebra	☐ illage	☐ olleyball	☐ uice

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

☐ ams (khoai mỡ) ☐ ogurt (sữa chua) ☐ oo (sở thú)

☐ o-yos (con quay yo-yo) ☐ ebu (bò u)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

zoo yogurt zebra yams

1. I want some .....
2. Do you like the .....?
3. Do you want some .....?
4. That's a .....

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. yogurt	a. sở thú
2. zoo	b. khoai mỡ
3. yams	c. ngựa vằn
4. zebra	d. sữa chua

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. What do you ☐☐☐? – I want some yo-yos. (A) see (B) want (C) draw
2. What do you want? – I ☐☐☐ some yogurt. (A) is (B) do (C) want
3. Do you like the zoo? – Yes, I ☐☐☐. (A) do (B) don't
4. Từ nào bắt đầu bằng chữ y? (A) zoo (B) yo-yos (C) zebra

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: zoo zebra

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 22

Bài 1: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

🍠 – **yams** 🦓 – **zebra** 🏘️ – **village** 🏐 – **volleyball** 🧃 – **juice**

Bài 2: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

yams (khoai mỡ) **y**ogurt (sữa chua) **z**oo (sở thú) **y**o-yos (con quay yo-yo) **z**ebu (bò u)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. I want some **yams**.

2. Do you like the **zoo**?

3. Do you want some **yogurt**?

4. That's a **zebra**.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **d** 2 – **a** 3 – **b** 4 – **c**

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (want) 2. **C** (want) 3. **A** (do) 4. **B** (yo-yos)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

zoo zebra

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án